

Bản án số: 39/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 28/9/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Cư;

2/ Ông Phạm Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 17/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 21/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố Long Thạnh 2, phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Phụng ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy ủy quyền ngày 01/4/2025.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố , phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Th ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Th, xã L, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy ủy quyền ngày 23/4/2025.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982.

3. Bà Phùng Thị Mỹ N, sinh năm 1985.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Quảng Ngãi

(Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tấn H, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Th là chị Nguyễn Thị Thanh L có mặt tại phiên tòa; nguyên đơn bà Trần Thị C, bị đơn

ông Phạm Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Mỹ N có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2025 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là bà Trần Thị C trình bày:

Bà và ông Phạm Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thị xã Đ (nay là phường S), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống bình thường nhưng đến tháng 4/2024 phát sinh mâu thuẫn về mối quan hệ con chung, con riêng và chuyện tiền bạc. Đến tháng 7/2024 thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn do vợ chồng không hiểu nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ph.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà C và ông Ph không có con chung.

Về tài sản chung: Bà C trình bày không có

Về nợ chung: Bà C trình bày trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Ph có những khoản nợ chung sau:

- + Nợ bà Nguyễn Thị Kiều Th, ông Nguyễn Văn D số tiền 120.000.000đồng
- + Nợ chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 20.000.000đồng
- + Nợ bà Phùng Thị Mỹ N số tiền 20.000.000đồng.

Khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng bà vì bà vay khoản tiền trên nhằm mục đích thụ tinh ống nghiệm để kiểm con, ông Ph biết việc này nhưng do ông Ph thường xuyên đi biển nên giấy nợ chỉ có một mình bà ký mượn nhưng là nợ chung của vợ chồng nên khi ly hôn, bà yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ. Ngoài ra, bà C không trình bày gì khác.

Tại bản trình bày ý kiến ghi ngày 01/4/2025 bị đơn ông Phạm Ph trình bày và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ph là ông Nguyễn Tấn H trình bày:

Ông và bà Trần Thị C tìm hiểu quen biết nhau, chung sống như vợ chồng từ tháng 4/2022 đến tháng 4/2023 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống bên nhà vợ; vợ chồng ông sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà C lười về tài chính, đi làm thu nhập được bao nhiêu ông đều đưa cho bà C giữ nhưng khi vợ chồng có mâu thuẫn thì bà C bảo tiêu hết mà ông không biết bà C chi tiêu vào khoản gì; tháng 8/2024 bà C không cho ông sống chung nữa nên ông về nhà cha mẹ để ông sống cho đến nay. Bà C yêu cầu ly hôn ông, ông đồng ý vì ông không còn tình cảm với bà C, không tin tưởng bà C nên sống chung sẽ không hạnh phúc. Giữa ông và bà C không có con chung.

Về tài sản chung: Ngày 01/4/2025 ông Ph có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung tổng giá trị tài sản là 310.000.000đồng nhưng ngày 10/6/2025 ông Phạm Ph có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về phần chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Ph không thống nhất nợ chung như bà C trình bày, giữa vợ chồng ông không có nợ chung, đó là khoản nợ riêng của bà C, không liên quan đến ông. Ngoài ra, ông Ph không trình bày gì khác.

Tại đơn khởi kiện (yêu cầu độc lập) đề ngày 19/6/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Th và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Th là chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Ngày 02/7/2023 bà Trần Thị C có mượn bà Th số tiền 120.000.000đồng nhưng do bà Th không có đủ 120.000.000đồng tiền mặt nên bà Th cho bà C mượn 59.000.000đồng tiền mặt và 14,5 chỉ vàng tây (trị giá 61.000.000đồng) khi cho mượn bà Th thống nhất với bà C sau này trả thì trả đủ tiền mặt số tiền 120.000.000đồng, không yêu cầu trả vàng, mục đích mượn tiền là đi làm thụ tinh ống nghiệm sinh con với chồng là ông Phạm Ph, khi vay có viết giấy mượn tiền có một mình bà C ký vào giấy mượn tiền, ông Ph biết việc mượn tiền này nhưng ông không ký vào giấy là do ông thường xuyên đi biển không có nhà và hẹn 06 tháng trả nhưng đến nay ông Ph bà C không trả nợ cho bà như thỏa thuận nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ph, bà Trần Thị C phải trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị Kiều Th số tiền nợ gốc là 120.000.000đồng, cụ thể: Ông Ph phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và bà C phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), đây là khoản tiền riêng của bà Th chứ không liên quan gì đến ông Nguyễn Văn D; bà Thông không yêu cầu về lãi suất. Ngoài ra, bà Th không trình bày gì khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 13/8/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kiều Th sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, ông có biết việc bà Nguyễn Thị Kiều Th cho bà Trần Thị C và ông Phạm Ph vay số tiền 120.000.000đồng để bà C đi làm Thụ tinh ống nghiệm cùng chồng là ông Phạm Ph nhưng đó là khoản tiền riêng của bà Nguyễn Thị Kiều Th, không liên quan đến ông. Ngoài ra, ông D không trình bày gì khác.

Tại đơn khởi kiện (yêu cầu độc lập) đề ngày 19/6/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Mỹ N trình bày:

Ngày 02/4/2024 bà Trần Thị C có vay của bà số tiền 20.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay đi làm thụ tinh ống nghiệm với chồng là ông Phạm Ph để kiểm con, việc bà C vay tiền ông Ph có biết, khi vay có viết giấy mượn tiền nhưng đến nay ông Ph bà C không trả nợ cho bà như thỏa thuận nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ph, bà Trần Thị C phải trả nợ cho bà Phùng Thị Mỹ N số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*); cụ thể: Ông Ph phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) và bà C phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*); bà N không yêu cầu về lãi suất. Ngoài ra, bà N không trình bày gì khác.

Tại đơn khởi kiện (yêu cầu độc lập) đề ngày 19/6/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Trong năm 2024 chị H có bán trứng cho bà C, ông Ph để làm thụ tinh ống nghiệm nên bà C có viết giấy nợ chị số tiền 20.000.000đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ph, bà Trần Thị C phải trả nợ cho chị H số tiền nợ là 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*); cụ thể: Ông Ph phải trả cho chị $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) và bà C phải trả cho chị $\frac{1}{2}$ số nợ trên tương đương số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) nhưng ngày 13/8/2025 chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về khoản nợ trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho bà C được ly hôn ông Ph; về con chung: Không có con chung; về tài sản chung: Đình chỉ xét xử phần chia tài sản chung do ông Ph rút yêu cầu phản tố; về nợ chung: Xác định 120.000.000đồng nợ bà Nguyễn Thị Kiều Th và 20.000.000đồng nợ bà Phùng Thị Mỹ N là nợ chung của bà C, ông Ph trong thời kỳ hôn nhân nên buộc mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho $\frac{1}{2}$ số nợ trên; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh H do chị H rút yêu cầu độc lập. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Ph; cư trú tại: Tổ dân phố L, phường Ph (nay là phường S) tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi)

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị C bị đơn ông Phạm Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Mỹ N có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Phạm Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thị xã Đ

(Nay là phường Sa Huỳnh) vào năm 2023. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Cúc và ông Phụng là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà C cho rằng giữa ông bà mâu thuẫn về con chung, con riêng; ông Ph cho rằng bà C không rõ ràng về tài chính, không tin tưởng bà C, HĐXX xét thấy: Cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho ông bà vì giữa ông bà không có tình yêu thương, sự chia sẻ, tin tưởng nhau, thực tế từ tháng 8/2024 ông Ph bà C không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm ai, bà C yêu cầu ly hôn, ông Ph đồng ý. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Cúc và ông Phụng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà C trình bày không có tài sản chung; ông Phạm Ph trình bày có tài sản chung và yêu cầu phản tố chia tài sản chung tổng tài sản có giá trị là 310.000.000đồng nhưng ngày 10/6/2025 ông Phạm Ph có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về phần chia tài sản chung. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu của ông Phạm Ph là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung giá trị tài sản 310.000.000đồng của ông Phạm Ph.

[2.4] Về nợ chung: Bà C cho rằng trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Ph có nợ chung bà Th số tiền 120.000.000đồng, nợ bà N số tiền 20.000.000đồng và nợ chị H số tiền 20.000.000đồng; khi ly hôn bà yêu cầu ông Ph cùng có trách nhiệm trả nợ chung. Ông Ph không thừa nhận nợ chung như bà C trình bày, ông không ký giấy nợ, ông không biết các khoản nợ trên, đó là nợ riêng của bà C nên bà C phải tự trả, ông không liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Th và bà Phùng Thị Mỹ N yêu cầu ông Ph, bà C phải cùng trả số nợ trên cho họ bởi bà C mượn tiền nhằm mục đích đi làm thụ tinh ống nghiệm với ông Ph để sinh con. HĐXX xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 02/7/2023 do bà Nguyễn Thị Kiều Th cung cấp và giấy mượn tiền lập ngày 02/4/2024 do bà Phùng Thị Mỹ N cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 02/7/2023 bà C có vay của bà Th số tiền 120.000.000đồng và ngày 02/4/2024 bà C có vay của bà N số tiền 20.000.000đồng; thời hạn trả là 06 tháng; mục đích vay làm thụ tinh ống nghiệm sinh con.

Việc vay tiền được thể hiện bằng “Giấy mượn tiền”; tại giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời gian trả và mục đích vay tiền. Tuy nhiên, theo trình bày của bà Th, bà N sau khi mượn tiền bà Cúc, ông Ph không trả nợ như đã hẹn, mặc dù họ đã nhiều lần yêu cầu ông Ph, bà C trả nợ nhưng ông Ph bà C không trả. Bà C, ông Ph không trả đầy đủ khoản nợ cho bà N, bà Th khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà Th, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C, ông Ph có nghĩa vụ trả cho bà Th 120.000.000đồng và bà N 20.000.000đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Phg không thừa nhận nợ chung nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đó là khoản nợ riêng của bà C; trong khi đó, ông Ph trình bày ông và bà C

chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 đến tháng 5/2023 đăng ký kết hôn theo quy định; ngày 02/7/2023 và ngày 02/4/2024 bà C vay tiền của bà Th, bà N là đang trong thời kỳ hôn nhân với ông Ph, mục đích vay tiền là để thụ tinh ống nghiệm điều này thể hiện tại các chứng từ do bà C cung cấp; bà C bắt đầu khảo sát vòi trứng từ ngày 14/7/2023 và hành trình thụ tinh ống nghiệm của bà C với chồng là ông Ph kéo dài đến tháng 7/2024, ông Ph biết rõ vì ông là người tham gia vào quá trình kiểm con bằng hình thức thụ tinh ống nghiệm cùng bà C thể hiện qua chứng từ thăm khám sức khỏe và trữ tinh trùng... Tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” Như vậy, khoản nợ trên phát sinh từ giao dịch do bà C thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình mà nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình... Mặc dù, ông Ph không thừa nhận nợ chung do ông không trực tiếp ký vào các giấy mượn tiền nhưng thực tế bà C vay của bà Th số tiền 120.000.000đồng và bà N số tiền 20.000.000đồng nhằm mục đích thụ tinh ống nghiệm để có con chung với ông Ph. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của ông Ph bà C trong thời kỳ hôn nhân nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên; theo đó, bà C có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 60.000.000đồng và trả cho bà N số tiền 10.000.000đồng; ông Ph có nghĩa vụ trả cho bà Th 60.000.000đồng và bà N 10.000.000đồng là hợp pháp và hợp lý.

Chị Nguyễn Thị Thanh H rút toàn bộ yêu cầu độc lập, HĐXX xét thấy: Việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện; căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Ph, bà C phải trả cho chị H số tiền 20.000.000đồng.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị C và ông Phạm Ph còn phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu của bà Th, bà N được Tòa án chấp nhận; cụ thể: 140.000.000đồng x 5% = 7.000.000đồng. Bà C, ông Ph mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí tương đương số tiền 3.500.000đồng. Theo đó, bà C phải chịu tổng số tiền án phí là 3.800.000đồng; ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.500.000đồng; bà Th, bà N và chị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Th, bà N và chị H theo quy định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 37, 51, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị C được ly hôn ông Phạm Ph.

2. Về con chung: Ông P, bà C không có con chung.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung giá trị tài sản là 310.000.000đồng của ông Phạm Ph.

4. Về nợ chung:

+ Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kiều Th số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và trả cho bà Phùng Thị Mỹ N số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Buộc ông Phạm Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kiều Th số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và trả cho bà Phùng Thị Mỹ N số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Ph, bà C phải trả cho chị H số tiền 20.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

+ Bà C phải chịu tổng số tiền án phí là 3.800.000đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004751, ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ (nay là Phòng thi hành án khi vực 6 – Quảng Ngãi). Bà Trần Thị C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp (Phạm Thị D nộp thay) 4.550.000đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000971, ngày 14/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ (nay là Phòng thi hành án khi vực 6 – Quảng Ngãi) nên được khấu trừ xong, còn phải hoàn trả lại cho ông Ph số tiền 1.050.000đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Trần Thị C nộp thay) 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000062 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Trần Thị C nộp thay) 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000061 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Trần Thị C nộp thay) 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000063 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 6 – Quảng Ngãi;
- UBND phường S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

**Các thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

